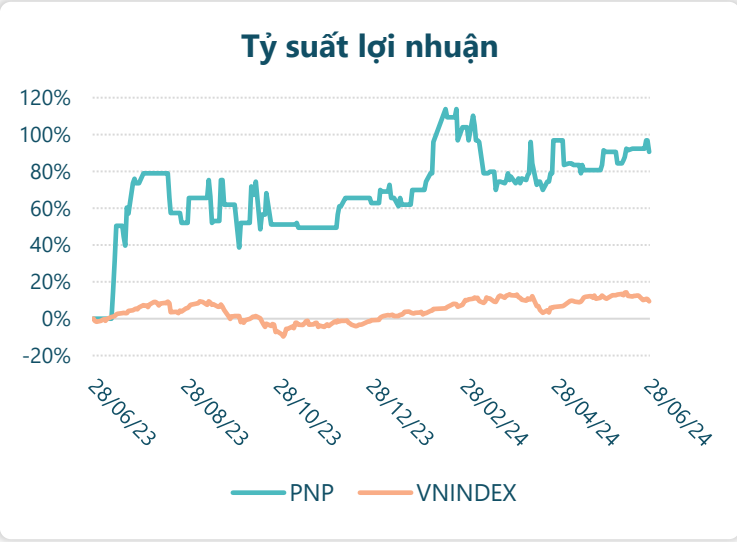


Ngày	21,300 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.4%	15.6%	23.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,404 - 22,245
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	343
Số lượng CPLH (CP)	16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	365
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.61
EPS	2,674
P/E	8.0



Doanh thu thuần
Q2/24

86.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.30 | -5.8%

YoY: ▲2.50 | 3.0%

Nợ/VCSH
Q2/24

54.2%

YoY: +/-▲2.8%

LN gộp
Q2/24

21.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲3.30 | 18.6%

YoY: ▲0.60 | 2.9%

ROE (TTM)
Q2/24

20.3%

YoY: +/-▲1.3%

LN trước thuế
Q2/24

13.5

tỷ VNĐ

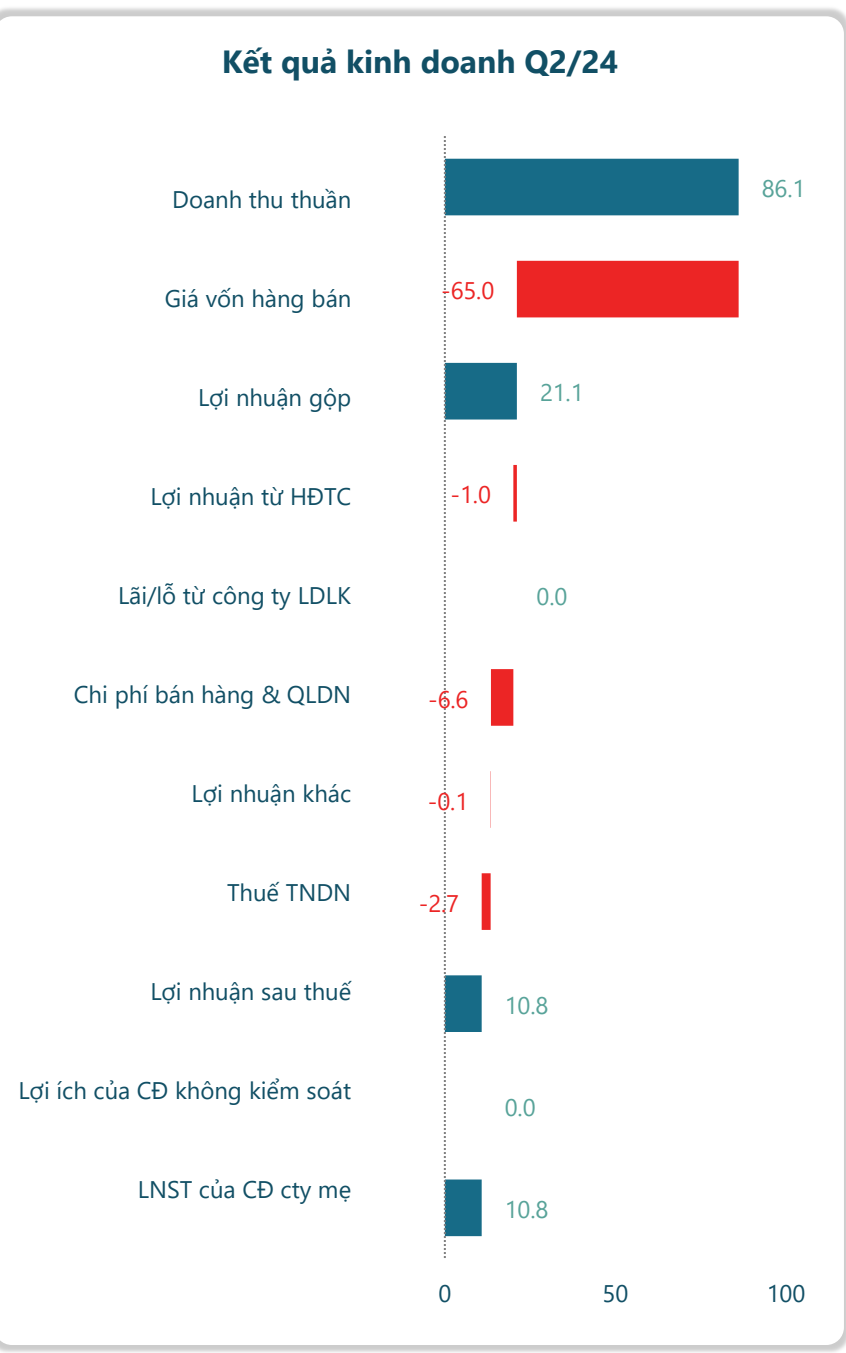
QoQ: ▼1.30 | -9.0%

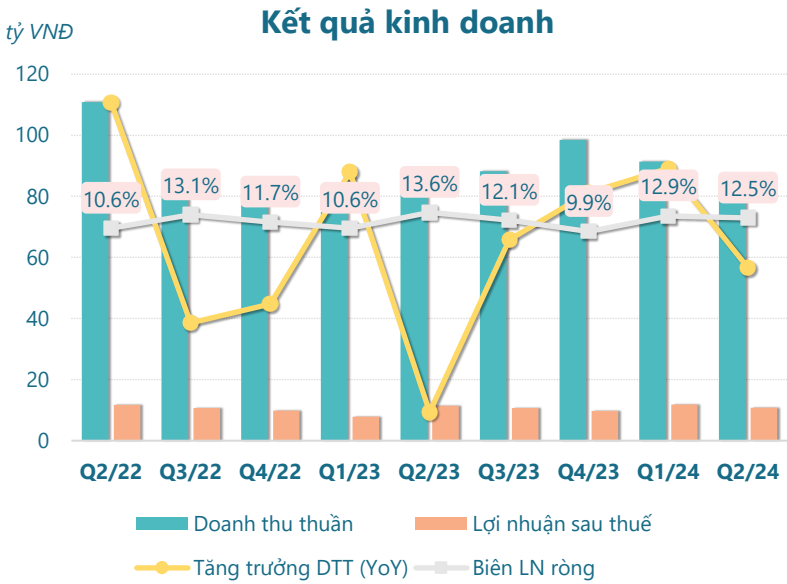
YoY: ▼0.70 | -5.1%

ROA (TTM)
Q2/24

12.4%

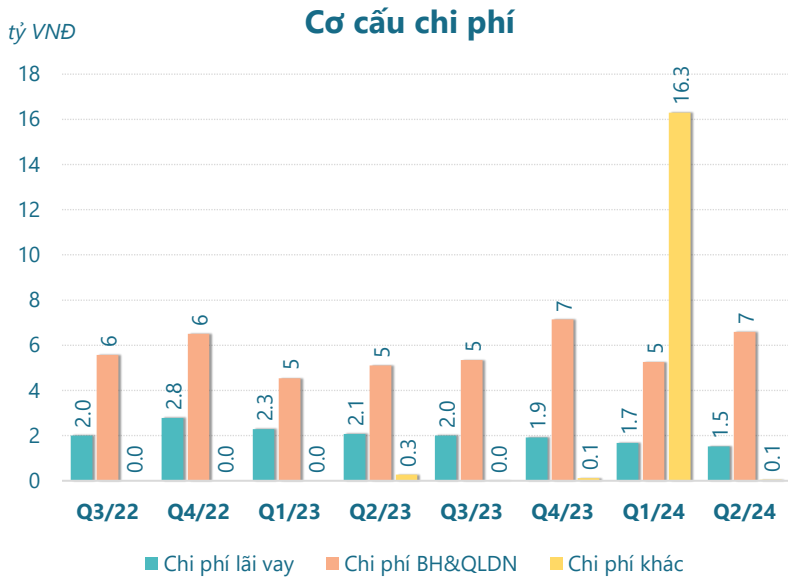
YoY: +/-▼0.1%





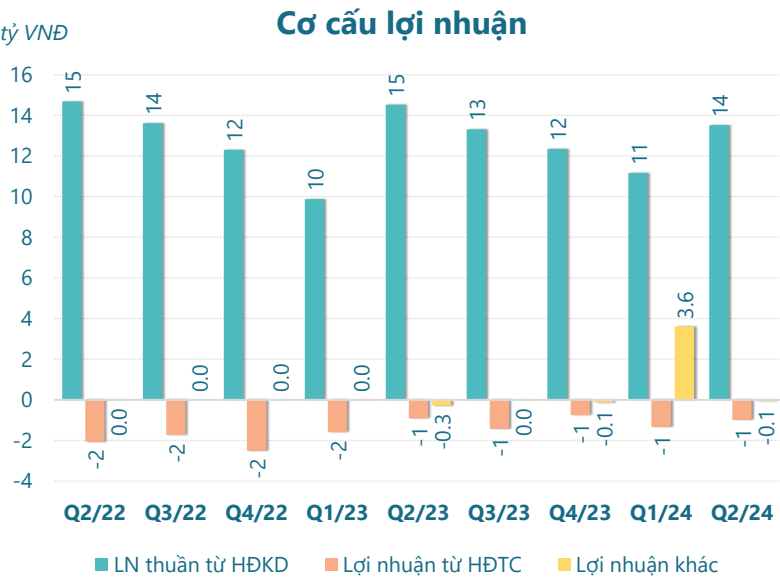
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 13.53 tỷ đồng**, tăng thêm 21.1% so với kỳ trước và thấp hơn 6.82% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.99 tỷ đồng** tăng thêm 0.35 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.09 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.05 tỷ đồng** giảm đi 101% so với kỳ trước và tăng thêm 0.23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PNP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **86.14 tỷ đồng** tăng thêm **3.00%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 10.78 tỷ đồng, giảm sút 5.19%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **178.0 tỷ đồng** cao hơn 11.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 23.00 tỷ đồng** cao hơn 21.1% so với cùng kỳ năm trước.



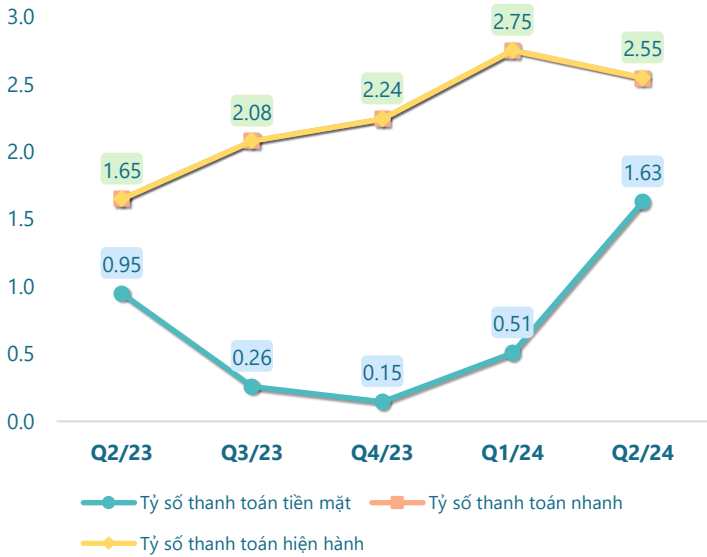
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.51 tỷ đồng** giảm đi 9.58% so với kỳ trước và thấp hơn 27.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **6.58 tỷ đồng** tăng thêm 24.9% so với kỳ trước và cao hơn 29.0% so với cùng kỳ năm trước.

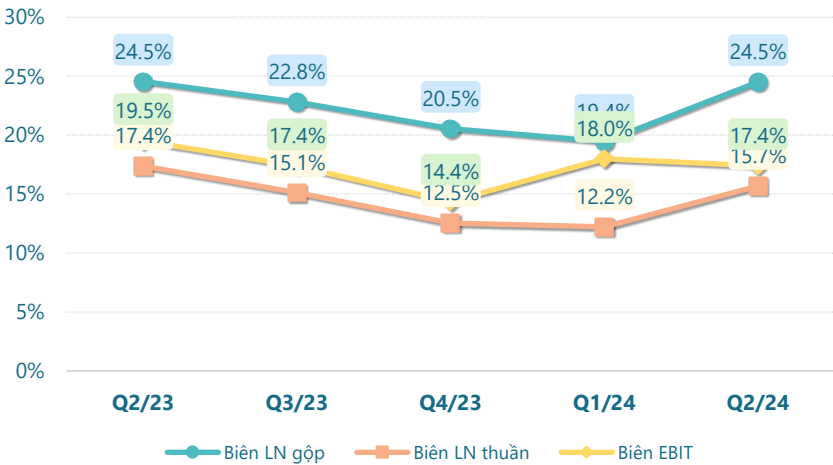
Chi phí khác bằng **0.05 tỷ đồng** giảm đi 99.7% so với kỳ trước và thấp hơn 82.1% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	86.1	91.4	-5.8%	83.6	3.0%	178	159	12.0%
Giá vốn hàng bán	65.0	73.6	-11.6%	63.1	3.1%	139	122	13.7%
Lợi nhuận gộp	21.1	17.8	18.6%	20.5	2.9%	38.9	36.5	6.4%
Doanh thu HĐTC	0.52	0.33	58.0%	1.16	-55.1%	0.85	1.86	-54.1%
Chi phí TC	1.51	1.67	-9.4%	2.07	-26.9%	3.18	4.35	-26.8%
Chi phí lãi vay	1.51	1.67	-9.4%	2.07	-26.9%	3.18	4.35	-26.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	6.58	5.27	24.9%	5.10	29.1%	11.8	9.64	22.9%
LN thuần từ HĐKD	13.5	11.2	20.8%	14.5	-6.7%	24.7	24.4	1.2%
Lợi nhuận khác	-0.05	3.60	-101%	-0.28	80.9%	3.55	-0.28	1390%
LN trước thuế	13.5	14.8	-9.0%	14.2	-5.1%	28.2	24.1	17.0%
Lợi nhuận sau thuế	10.8	11.8	-8.7%	11.4	-5.5%	22.6	19.3	17.2%
LNST của CĐ cty mẹ	10.8	11.8	-8.7%	11.4	-5.5%	22.6	19.3	17.2%

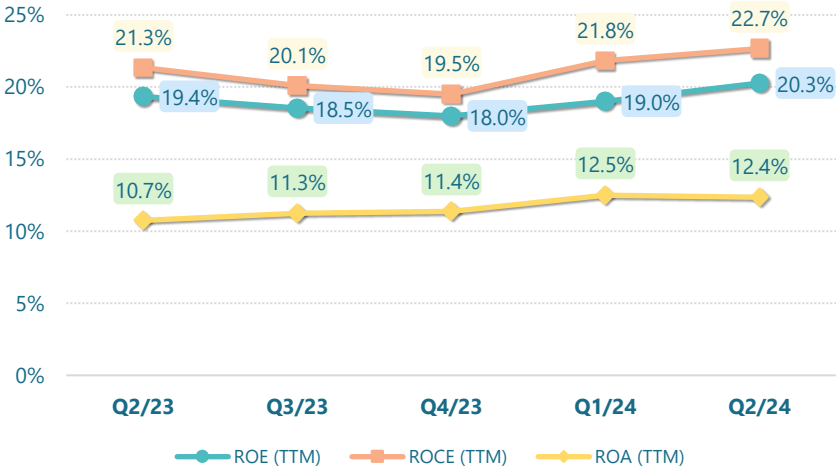
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

